

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 13 - 36 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã 3 lần được cấp giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh về bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3: 240.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 091 392 6466
Fax : 083 7 423 596
Website : www.catlaiport.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 5 1 6 8 9 3 8

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hoá;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển;
- Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế, sửa chữa đóng mới container, moóc kéo chuyên dùng (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê tàu, container và các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, logistics;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa, xe siêu trường siêu trọng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, thiết bị xếp dỡ (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------------|--------------|---------------------|---------------------|
| Ông Lê Tấn Hùng | Chủ tịch | 11 tháng 8 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Đăng Nghiêm | Phó Chủ tịch | 11 tháng 8 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Văn Quân | Ủy viên | 11 tháng 8 năm 2007 | |
| Ông Ngô Phạm Viết Tuấn | Ủy viên | 11 tháng 6 năm 2010 | 12 tháng 6 năm 2013 |
| Ông Lăng Nguyễn Thanh Vũ | Ủy viên | 10 tháng 6 năm 2011 | 12 tháng 6 năm 2013 |
| Ông Vũ Ngọc Tuyền | Ủy viên | 12 tháng 6 năm 2013 | |
| Ông Nguyễn Thanh Nhựt | Ủy viên | 12 tháng 6 năm 2013 | |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | 11 tháng 8 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Văn Hoạch | Thành viên | 11 tháng 6 năm 2010 | 12 tháng 6 năm 2013 |
| Bà Lê Uyên Ngọc | Thành viên | 26 tháng 6 năm 2009 | 12 tháng 6 năm 2013 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Thành viên | 12 tháng 6 năm 2013 | |
| Ông Quang Tường Thụy | Thành viên | 12 tháng 6 năm 2013 | |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|--------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Quân | Giám đốc | 11 tháng 08 năm 2007 |
| Ông Ngô Phạm Viết Tuấn | Phó Giám đốc | 21 tháng 09 năm 2007 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

Ngày 09 tháng 8 năm 2013

Số: 305/2013/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 09 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tư
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Anh Tuấn
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 32,789,450,860 | 23,605,749,648 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 15,402,997,478 | 8,003,559,745 |
| 1. Tiền | 111 | | 5,402,997,478 | 4,003,559,745 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10,000,000,000 | 4,000,000,000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10,692,105,170 | 14,077,387,090 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.2 | 9,999,390,350 | 13,785,542,937 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.3 | 528,957,653 | 229,344,153 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.4 | 163,757,167 | 62,500,000 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6,694,348,212 | 1,524,802,813 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.5 | 5,867,280,577 | 177,872,557 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 450,541,140 | 1,307,199,761 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.6 | 376,526,495 | 39,730,495 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 446,929,196,440 | 461,053,454,334 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 440,083,709,439 | 453,224,120,783 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 368,906,599,451 | 369,040,434,820 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 485,853,740,308 | 467,874,926,338 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (116,947,140,857) | (98,834,491,518) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 71,177,109,988 | 71,974,100,699 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 79,232,404,441 | 79,246,404,441 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (8,055,294,453) | (7,272,303,742) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.9 | - | 12,209,585,264 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2,258,600,000 | 2,258,600,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.10 | 2,258,600,000 | 2,258,600,000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4,586,887,001 | 5,570,733,551 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11 | 4,586,887,001 | 5,570,733,551 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 479,718,647,300 | 484,659,203,982 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 146,180,303,026 | 157,843,794,961 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 44,970,477,377 | 57,932,953,172 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.12 | 19,402,850,000 | 39,177,455,078 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.13 | 509,685,574 | 8,962,582,604 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | - | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.14 | 6,298,965,500 | 661,889,145 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 301,873,779 | 1,032,920,128 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.15 | 502,483,659 | 148,255,800 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 16,420,669,717 | 5,002,395,130 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.17 | 1,533,949,148 | 2,947,455,287 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 101,209,825,649 | 99,910,841,789 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.18 | 101,209,825,649 | 99,910,841,789 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 333,538,344,274 | 326,815,409,021 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 333,538,344,274 | 326,815,409,021 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 240,000,000,000 | 240,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 15,723,448,000 | 15,723,448,000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 17,950,065,862 | 15,963,400,072 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 9,102,522,649 | 9,102,522,649 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 50,762,307,763 | 46,026,038,300 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 479,718,647,300 | 484,659,203,982 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối kỳ | |
|--|----------------|------------|------------|
| | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 51,492.32 | 31,124.76 |
| Euro (EUR) | | 4,350.23 | 4,348.18 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyên

Ngô Phạm Viêt Tuấn

Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 92,650,280,128 | 77,907,948,093 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 92,650,280,128 | 77,907,948,093 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 37,865,793,229 | 35,812,935,326 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 54,784,486,899 | 42,095,012,767 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 220,962,318 | 2,277,331,784 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 5,549,976,705 | 8,651,074,707 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 4,117,545,138 | 7,286,662,700 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 3,844,368,080 | 2,758,474,652 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 45,611,104,432 | 32,962,795,192 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 45,611,104,432 | 32,962,795,192 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 4,573,954,501 | 3,322,351,735 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>41,037,149,931</u> | <u>29,640,443,457</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.6 | <u>1,682</u> | <u>1,226</u> |

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyên

Ngô Phạm Viết Tuấn

Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 45,611,104,432 | 32,962,795,192 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 19,004,606,711 | 16,378,783,507 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 1,432,431,567 | 1,147,594,084 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | - | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 4,117,545,138 | 7,286,662,700 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 70,165,687,848 | 57,775,835,483 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 4,006,894,541 | (1,090,554,772) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | - | 401,784,600 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (11,763,369,013) | 790,131,240 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 7,655,182,253 | 4,562,377,164 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (4,117,545,138) | (7,286,662,700) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (718,433,785) | (524,241,942) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (2,737,949,998) | (395,848,936) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 62,490,466,708 | 54,232,820,137 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (18,326,689,090) | (20,172,752,164) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (2,258,600,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (18,326,689,090) | (22,431,352,164) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|----------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| | | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.12 (19,917,005,078) | (19,537,045,525) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (16,856,287,100) | (42,810,612,200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | <u>(36,773,292,178)</u> | <u>(62,347,657,725)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 7,390,485,440 | (30,546,189,752) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 8,003,559,745 | 83,131,776,440 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 8,952,293 | 130,215,896 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | <u>V.1 15,402,997,478</u> | <u>52,715,802,584</u> |

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyền

Ngô Phạm Việt Tuấn

Nguyễn Văn Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 61 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 47 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-------------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 7 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) | 3 - 7 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |

(*) Phương tiện vận tải của đơn vị là tài sản mua cũ nên khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí nạo vét cầu tàu

Chi phí nạo vét cầu tàu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 6 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong kỳ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo quy định tại 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm). Miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2013 là năm tài chính tài chính thứ 5 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và là năm thứ ba Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2013 : 20.130 VND/USD

27.336 VND/EUR

31/12/2012 : 20.810 VND/USD

27.362 VND/EUR

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 340.377.505 | 293.793.192 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.062.619.973 | 3.709.766.553 |
| Các khoản tương đương tiền | 10.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 10.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Cộng | 15.402.997.478 | 8.003.559.745 |

2. Phải thu khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Các khách hàng là bên liên quan | 8.352.516.054 | 9.411.237.310 |
| Các khách hàng không là bên liên quan | 1.646.874.296 | 4.374.305.627 |
| Cộng | 9.999.390.350 | 13.785.542.937 |

3. Trả trước cho người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Viện Cơ học và Tin học ứng dụng | - | 62.370.000 |
| Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh | - | 89.500.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Thiết kế thời trang Hoàng Vy | - | 34.804.000 |
| Công ty TNHH Hưng Phát | 201.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh niên Xung phong | 132.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần CHIEN YOU Việt Nam | 101.750.000 | - |
| Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á | 58.500.000 | - |
| Các đối tượng khác | 35.107.653 | 42.670.153 |
| Cộng | 528.957.653 | 229.344.153 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 31.666.667 | 13.000.000 |
| Phải thu về các khoản chi hộ khách hàng phí tại Cảng Cát Lái | 102.785.000 | - |
| Phải thu ông Nguyễn Văn Quân về tiền lương | - | 49.500.000 |
| Phải thu khác | 29.305.500 | - |
| Cộng | 163.757.167 | 62.500.000 |

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 2.788.183 | 15.538.193 |
| Chi phí bảo hiểm phương tiện | 510.816.252 | 162.334.364 |
| Chi phí bù lún cầu tàu số 7 giai đoạn 1 năm 2012 | 5.332.517.682 | - |
| Giá trị còn lại tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu | 21.158.460 | - |
| Cộng | 5.867.280.577 | 177.872.557 |

6. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 164.756.249.018 | 302.681.837.847 | 298.653.143 | 138.186.330 | 467.874.926.338 |
| Tăng do mua sắm mới trong kỳ | - | - | 18.094.939.090 | - | 18.094.939.090 |
| Giảm khác (*) | - | (47.200.000) | (16.500.000) | (52.425.120) | (116.125.120) |
| Số cuối kỳ | 164.756.249.018 | 302.634.637.847 | 18.377.092.233 | 85.761.210 | 485.853.740.308 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng | 32.406.486.017 | 956.023.848 | 282.153.143 | 85.761.210 | 33.730.424.218 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 50.531.074.832 | 47.880.057.037 | 295.444.810 | 127.914.839 | 98.834.491.518 |
| Khấu hao trong kỳ | 5.111.102.359 | 12.756.740.989 | 340.117.955 | 1.988.030 | 18.209.949.333 |
| Giảm khác (*) | - | (37.116.668) | (16.041.667) | (44.141.659) | (97.299.994) |
| Số cuối kỳ | 55.642.177.191 | 60.599.681.358 | 619.521.098 | 85.761.210 | 116.947.140.857 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 114.225.174.186 | 254.801.780.810 | 3.208.333 | 10.271.491 | 369.040.434.820 |
| Số cuối kỳ | 109.114.071.827 | 242.034.956.489 | 17.757.571.135 | - | 368.906.599.451 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 318.109.716.484 VND và 215.171.038.428 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Chi nhánh An Phú

(*)Giảm khác: Điều chỉnh giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 79.232.404.441 | 14.000.000 | 79.246.404.441 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Giảm khác (*) | - | (14.000.000) | (14.000.000) |
| Số cuối kỳ | 79.232.404.441 | - | 79.232.404.441 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 7.262.970.407 | 9.333.335 | 7.272.303.742 |
| Khấu hao trong kỳ | 792.324.046 | 2.333.332 | 794.657.378 |
| Giảm khác (*) | - | (11.666.667) | (11.666.667) |
| Số cuối kỳ | 8.055.294.453 | - | 8.055.294.453 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 71.969.434.034 | 4.666.665 | 71.974.100.699 |
| Số cuối kỳ | 71.177.109.988 | - | 71.177.109.988 |

(*) Giảm khác: Điều chỉnh giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố nguyên giá dưới 30.000.000 VND.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển giảm khác (*) | Số cuối kỳ |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------|
| Sửa chữa lớn TSCĐ | 12.209.585.264 | 130.000.000 | (12.339.585.264) | - |
| - <i>Bù lún cầu tàu số 7 Giai</i> | | | | |
| <i>đoạn 1 năm 2012</i> | <i>12.209.585.264</i> | <i>130.000.000</i> | <i>(12.339.585.264)</i> | <i>-</i> |
| Cộng | 12.209.585.264 | 130.000.000 | (12.339.585.264) | - |

(*) Kết chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2013

10. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn là 6,8%.

11. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Chi phí nạo vét | 5.533.568.161 | - | (958.366.161) | 4.575.202.000 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 37.165.390 | - | (25.480.389) | 11.685.001 |
| Cộng | 5.570.733.551 | - | (983.846.550) | 4.586.887.001 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh An Phú. Chi tiết số phát sinh như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 39.177.455.078 | 41.073.365.621 |
| Số tiền vay phát sinh | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ | 142.400.000 | - |
| Số tiền vay đã trả | (19.917.005.078) | (10.268.585.525) |
| Số cuối kỳ | 19.402.850.000 | 30.804.780.096 |

13. Phải trả người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần MCO Việt Nam | 69.626.650 | 69.626.650 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Á Việt Thái | 55.801.636 | 55.801.636 |
| Công ty Cổ phần Chứng Khoán Âu Việt | - | 101.380.000 |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng | 149.462.075 | 6.966.110.975 |
| Công ty TNHH Hưng Phát | - | 1.515.600.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xây dựng Hai Hai Mười Hai | 186.691.230 | 186.863.160 |
| Các đối tượng khác | 48.103.983 | 67.200.183 |
| Cộng | 509.685.574 | 8.962.582.604 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | 5.714.603.761 | (3.767.808.576) | 1.946.795.185 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 303.702.339 | 4.573.954.501 | (718.433.785) | 4.159.223.055 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 152.487.806 | 399.462.477 | (359.003.023) | 192.947.260 |
| Tiền thuế đất | 205.699.000 | 443.089.842 | (648.788.842) | - |
| Các loại thuế khác | | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 661.889.145 | 11.134.110.581 | (5.497.034.226) | 6.298.965.500 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm). Miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2013 là năm tài chính tài chính thứ 5 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và là năm thứ ba Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 45.611.104.432 | 32.962.795.192 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 128.440.581 | 260.722.156 |
| + Chi phí không hợp lý hợp lệ | 140.922.874 | 260.722.156 |
| + Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ cuối năm trước | 135.000.000 | 260.722.156 |
| | 5.922.874 | |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (12.482.293) | - |
| + Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá các khoản mục phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm trước | (3.530.000) | |
| + Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối kỳ | (8.952.293) | - |
| Thu nhập tính thuế | 45.739.545.013 | 33.223.517.348 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 11.434.886.253 | 8.305.879.337 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (2.286.977.251) | (1.661.175.867) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | (4.573.954.501) | (3.322.351.735) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 4.573.954.501 | 3.322.351.735 |

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 59.796,2 m² đất đang sử dụng với mức 14.820 VND/m²/tháng của thửa đất số 99 thuộc bản đồ số 35 Phường Cát Lái theo quy định tại Giấy phép đầu tư số 3704/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 2000 của UBND TP HỒ Chí Minh cấp.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả

Là chi phí dịch vụ mua ngoài chưa có hóa đơn

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | - | 12.809.104 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 21.641.138 | 2.797.724 |
| Phải trả về cổ tức cho các cổ đông | 16.384.309.575 | 250.825.856 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng góp vốn xây dựng Bến xà lan | - | 4.700.000.000 |
| Phải trả khác | 14.719.004 | 35.962.446 |
| Cộng | 16.420.669.717 | 5.002.395.130 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.407.467.648 | 1.059.555.087 | (1.707.333.332) | 759.689.403 |
| Quỹ phúc lợi | 612.498.134 | 264.888.772 | (103.950.000) | 773.436.906 |
| Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành | 927.489.505 | | (926.666.666) | 822.839 |
| Cộng | <u>2.947.455.287</u> | <u>1.324.443.859</u> | <u>(2.737.949.998)</u> | <u>1.533.949.148</u> |

18. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 04.08.APU/TDH.01/114540.01 để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Đầu tư xây dựng Cảng Cát Lái tại khu đất Vitaco – Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay. Số tiền vay là 18.231.302 USD tương đương 293.993.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 19.402.850.000 | 39.177.455.078 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 101.209.825.649 | 99.910.841.789 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Tổng nợ | <u>120.612.675.649</u> | <u>139.088.296.867</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 99.910.841.789 | 137.739.025.350 |
| Số tiền vay phát sinh | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ | 1.298.983.860 | 49.840.000 |
| Số tiền vay đã trả | - | (9.318.300.000) |
| Số cuối kỳ | <u>101.209.825.649</u> | <u>128.470.565.350</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 240.000.000.000 | 15.723.448.000 | (2.041.935.723) | 10.117.009.626 | 4.270.244.522 | 56.363.131.995 | 324.431.898.420 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 66.222.192.988 | 66.222.192.988 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | - | 5.846.390.446 | 4.832.278.127 | (13.549.057.502) | (2.870.388.929) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | - | - | (63.010.229.181) | (63.010.229.181) |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước | - | - | (253.252.446) | - | - | - | (253.252.446) |
| Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong năm vào kết quả kinh doanh | - | - | 2.295.188.169 | - | - | - | 2.295.188.169 |
| Số dư cuối năm trước | 240.000.000.000 | 15.723.448.000 | - | 15.963.400.072 | 9.102.522.649 | 46.026.038.300 | 326.815.409.021 |
| Số dư đầu năm nay | 240.000.000.000 | 15.723.448.000 | - | 15.963.400.072 | 9.102.522.649 | 46.026.038.300 | 326.815.409.021 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | - | 41.037.149.931 | 41.037.149.931 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | - | 1.986.665.790 | - | (3.311.109.649) | (1.324.443.859) |
| Chia cổ tức trong kỳ này | - | - | - | - | - | (32.989.770.819) | (32.989.770.819) |
| Số dư cuối kỳ | 240.000.000.000 | 15.723.448.000 | - | 17.950.065.862 | 9.102.522.649 | 50.762.307.763 | 333.538.344.274 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 108.647.000.000 | 108.647.000.000 |
| Trong đó: | | |
| <i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i> | <i>50.147.000.000</i> | <i>50.147.000.000</i> |
| <i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong</i> | <i>58.500.000.000</i> | <i>58.500.000.000</i> |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 131.353.000.000 | 131.353.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | <u>15.723.448.000</u> | <u>15.723.448.000</u> |
| Cộng | <u><u>255.723.448.000</u></u> | <u><u>255.723.448.000</u></u> |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Trả cổ tức năm trước | <u>16.856.287.100</u> | <u>42.810.612.200</u> |
| Cộng | <u><u>16.856.287.100</u></u> | <u><u>42.810.612.200</u></u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 24.000.000 | 24.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>24.000.000</i> | <i>24.000.000</i> |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 24.000.000 | 24.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>24.000.000</i> | <i>24.000.000</i> |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển | 74.000.002.000 | 69.053.765.000 |
| Doanh thu bốc xếp | 12.769.269.250 | 5.670.886.500 |
| Doanh thu dịch vụ vận tải | 1.580.570.255 | - |
| Doanh thu tiền điện tại cảng | 4.300.438.623 | 3.183.296.593 |
| Doanh thu thuần | 92.650.280.128 | 77.907.948.093 |

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ mà công ty cung cấp. Chi tiết như sau

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 396.713.919 | 1.120.759.078 |
| Chi nhân công trực tiếp | 3.357.666.431 | 1.635.785.051 |
| Chi phí sản xuất chung | 34.111.412.879 | 33.056.391.197 |
| Tổng chi phí sản xuất | 37.865.793.229 | 35.812.935.326 |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | - |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 37.865.793.229 | 35.812.935.326 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng | 109.844.434 | 1.914.716.667 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 94.171.546 | 60.443.668 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 16.946.338 | 302.171.449 |
| Cộng | 220.962.318 | 2.277.331.784 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 4.117.545.138 | 7.286.662.700 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn đầu tư hình thành tài sản cố định | | 1.147.594.084 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.432.431.567 | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 216.817.923 |
| Cộng | 5.549.976.705 | 8.651.074.707 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.084.372.238 | 1.525.631.990 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 42.806.818 | 29.253.817 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 149.739.312 | 72.749.051 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 4.321.364 | 7.130.908 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 414.351.953 | 556.259.948 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.145.776.395 | 564.448.938 |
| Cộng | 3.844.368.080 | 2.758.474.652 |

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 41.037.149.931 | 29.640.443.457 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh (lợi nhuận bên sà lan) | (671.212.846) | (211.962.166) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 40.365.937.085 | 29.428.481.291 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.682 | 1.226 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 24.000.000 | 24.000.000 |

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.237.324.185 | 3.159.678.274 |
| Chi phí nhân công | 5.581.512.473 | 3.489.970.950 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.004.606.712 | 25.042.837.749 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.303.809.386 | 5.759.942.243 |
| Chi phí khác | 1.582.908.553 | 1.118.980.762 |
| Cộng | 41.710.161.309 | 38.571.409.978 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Hội đồng quản trị | | |
| Chi cổ tức trong kỳ | - | 136.202.400 |
| Thù lao, thưởng hoàn thành kế hoạch chi trả trong kỳ | 966.666.666 | 318.000.000 |

.Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 149.040.000 | 132.000.000 |
| Tiền thưởng, phụ cấp | 198.100.000 | 6.050.000 |
| Cộng | 347.140.000 | 138.050.000 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|-------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | Cổ đông lớn |
| Công ty Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong | Cổ đông lớn |

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Doanh thu cho thuê bãi | 62.500.000.000 | 62.500.000.000 |
| Doanh thu cho thuê thiết bị | 11.500.002.000 | 6.553.765.000 |
| Doanh thu xếp dỡ | 12.393.189.750 | 3.250.054.000 |
| Doanh thu nâng hạ | - | 199.771.000 |
| Doanh thu tiền điện | 4.300.438.623 | 3.183.296.593 |
| Chia cổ tức năm trước | 9.026.460.000 | 9.026.460.000 |
| Chi phí dịch vụ sử dụng trong kỳ đã có hóa đơn không bao gồm VAT | 460.183.760 | 339.624.891 |
| Chi phí dịch vụ sử dụng trong kỳ chưa có hóa đơn | 246.678.971 | 417.042.054 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | | |
| Cung cấp dịch vụ trong kỳ | 243.671.000 | 83.041.000 |
| Trả lại vốn hợp tác kinh doanh bên xà lan | 4.700.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong | | |
| Chia cổ tức năm trước | 4.000.000.000 | 10.530.000.000 |
| Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận. | | |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Phải thu tiền dịch vụ cung cấp trong năm | 7.975.172.054 | 9.301.931.410 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | | |
| Phải thu tiền dịch vụ cung cấp trong năm | 377.344.000 | 109.305.900 |
| Cộng nợ phải thu | 8.352.516.054 | 9.411.237.310 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Phải trả tiền cổ tức năm trước | 2.005.880.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | | |
| Vốn góp xây dựng bên xà lan | - | 4.700.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong | | |
| Phải trả tiền cổ tức năm trước | 8.870.000.000 | - |
| Cộng nợ phải trả | 10.875.880.000 | 4.700.000.000 |

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ cho thuê cảng biển.
- Các dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lĩnh vực cho thuê bến bãi | Lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Năm nay | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 74.000.002.000 | 18.650.278.128 | 92.650.280.128 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 74.000.002.000 | 18.650.278.128 | 92.650.280.128 |
| Chi phí bộ phận | (27.570.823.717) | (10.294.969.512) | (37.865.793.229) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 46.429.178.283 | 8.355.308.616 | 54.784.486.899 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (3.844.368.080) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 50.940.118.819 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 220.962.318 |
| Chi phí tài chính | | | (5.549.976.705) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (4.582.496.301) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 41.028.608.131 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 18.094.939.090 | 18.094.939.090 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 12.391.291.795 | 7.597.161.467 | 19.988.453.262 |
| Kỳ trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 69.053.765.000 | 8.854.183.093 | 77.907.948.093 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 69.053.765.000 | 8.854.183.093 | 77.907.948.093 |
| Chi phí bộ phận | (29.803.428.271) | (6.009.507.055) | (35.812.935.326) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 39.250.336.729 | 2.844.676.038 | 42.095.012.767 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (2.758.474.652) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 39.336.538.115 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 2.277.331.784 |
| Chi phí tài chính | | | (8.651.074.707) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (3.322.351.735) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 29.640.443.457 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 17.902.912.389 | 2.295.539.775 | 20.198.452.164 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 18.862.162.853 | 2.418.536.389 | 21.280.699.242 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê bến bãi | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|--------------------------------------|------------------------|-------------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>279.566.511.249</u> | <u>166.063.000.872</u> | 445.629.512.121 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | <u>12.329.339.791</u> | <u>3.107.373.108</u> | 15.436.712.899 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 18.652.422.280 |
| Tổng tài sản | | | <u>479.718.647.300</u> |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>-</u> | <u>1.012.169.233</u> | 1.012.169.233 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | <u>96.333.634.684</u> | <u>24.279.040.965</u> | 120.612.675.649 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 24.555.458.144 |
| Tổng nợ phải trả | | | <u>146.180.303.026</u> |
| | | | |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>203.937.761.645</u> | <u>268.979.002.263</u> | 472.916.763.908 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | <u>60.127.071</u> | <u>10.723.002</u> | 70.850.073 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 11.671.590.001 |
| Tổng tài sản | | | <u>484.659.203.982</u> |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>6.966.110.975</u> | <u>6.696.471.629</u> | 13.662.582.604 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | <u>118.037.590.713</u> | <u>21.050.706.154</u> | 139.088.296.867 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 5.092.915.490 |
| Tổng nợ phải trả | | | <u>157.843.794.961</u> |

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn với số dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chiếm 80% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 67%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 19.402.850.000 | 101.209.825.649 | - | 120.612.675.649 |
| Phải trả người bán | 509.685.574 | - | - | 509.685.574 |
| Các khoản phải trả khác | 16.399.028.579 | - | - | 16.399.028.579 |
| Cộng | 36.311.564.153 | 101.209.825.649 | - | 137.521.389.802 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 39.177.455.078 | 99.910.841.789 | - | 139.088.296.867 |
| Phải trả người bán | 8.962.582.604 | - | - | 8.962.582.604 |
| Các khoản phải trả khác | 4.986.788.302 | - | - | 4.986.788.302 |
| Cộng | 53.126.825.984 | 99.910.841.789 | - | 153.037.667.773 |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình mặc dù tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư “tài sản tài chính” nhỏ hơn “nợ phải trả tài chính ngắn hạn” là 8.516.124.658 VND. Tuy nhiên trong các khoản phải trả khác thì có 16.151.501.969 VND là cổ tức năm 2012 chưa chi trả (trong đó cổ tức chưa chi trả cho 2 cổ đông chính là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong là 10.875.880.000 VND). Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 thì thời điểm chi trả cổ tức năm 2012 sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phụ thuộc vào tình hình tài chính của Công ty. Do đó Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn cũng như Công ty có đủ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 51.492,32 | 4.350,23 | 31.124,76 | 4.348,18 |
| Phải thu khách hàng | - | - | 70.600,00 | - |
| Vay và nợ | (4.504.324,56) | - | (5.941.950,95) | - |
| Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ | (4.452.832,24) | 4.350,23 | (5.840.226,19) | 4.348,18 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.693.590.215 VND (kỳ trước giảm/tăng 1.538.485.822 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay của đơn vị đều được hưởng mức lãi suất cố định qua các năm theo quy định tại hợp đồng vay dài hạn như đã trình bày ở mục V.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 15.402.997.478 | - | 8.003.559.745 | - | 15.402.997.478 | 8.003.559.745 |
| Phải thu khách hàng | 9.999.390.350 | - | 13.785.542.937 | - | 9.999.390.350 | 13.785.542.937 |
| Các khoản phải thu khác | 134.451.667 | - | 13.000.000 | - | 134.451.667 | 13.000.000 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 2.258.600.000 | - | 2.258.600.000 | - | 2.258.600.000 | 2.258.600.000 |
| Cộng | 27.795.439.495 | - | 24.060.702.682 | - | 27.795.439.495 | 24.060.702.682 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Vay và nợ | 120.612.675.649 | 139.088.296.867 | 120.612.675.649 | 139.088.296.867 |
| Phải trả người bán | 509.685.574 | 8.962.582.604 | 509.685.574 | 8.962.582.604 |
| Các khoản phải trả khác | 16.399.028.579 | 4.986.788.302 | 16.399.028.579 | 4.986.788.302 |
| Cộng | 137.521.389.802 | 153.037.667.773 | 137.521.389.802 | 153.037.667.773 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội.

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lý Ngọc Tuyền

Ngô Phạm Viết Tuấn

Nguyễn Văn Quân